

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp “ly hôn, nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hồ Ngọc Luân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Hoàng Nam.
- Ông Nguyễn Văn Mẫn.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Diễm T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 22, ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Danh C, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 22, ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022 nguyên đơn chị Trương Thị Diễm T trình bày:*

Chị và chồng là anh Danh C do tự quen biết tìm hiểu và tổ chức cưới vào năm 2001, không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó khoảng vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, thường xuyên bắt đồng quan điểm, anh C quá cộc cằn, thô lỗ, thường xuyên rượu chè kiếm chuyện ghen tuông cô cớ. Anh, chị đã sống ly thân từ 2021 cho đến nay, mặt dù anh, chị đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Về con chung anh, chị chung sống có 01 con chung là Danh H, sinh ngày 21/5/2002, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

Chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh C.

*Bị đơn anh Danh C có ý kiến:*

Về hôn nhân: anh C không đồng ý ly hôn với chị T do vẫn còn thương vợ. Về con chung tên Danh H, sinh ngày 21/5/2002, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Danh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Số 22, ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung: Chị T và anh C chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị T và anh C không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C chung sống có 01 người con chung tên Danh H, sinh ngày 21/5/2002, hiện đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị T, anh C xác định không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Diễm T và anh Danh C là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008402 ngày 24/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Ngọc Luân**

